

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 17 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2026/DS-ST  
Ngày: 11-5-2026  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Phạm Ngọc Trung

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Phùng Văn Sinh

Ông Phạm Văn Châu

**- Thư ký phiên tòa:** bà Vũ Thị Thuyền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** ông Vũ Văn Hai - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở, Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 95/2026/TLST-DS ngày 20/01/2026 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2026/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** ông Võ Thanh N, sinh năm 1984.

Nơi cư trú: số A đường N, tổ D, khu phố U, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

**- Bị đơn:** bà Bùi Cẩm V, sinh năm 1985.

Địa chỉ thường trú: tổ B, khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh;  
Nơi ở hiện nay: số nhà E đường số A, tổ A, khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Nguyên đơn trình bày:**

Ông Võ Thanh N và bà Bùi Cẩm V chỉ có quan hệ quen biết. Trong hai ngày 11 và 12/9/2025, bà V có vay ông N tổng số tiền là 37.800.000 đồng để giải quyết nhu cầu thẩm định đất đai nhằm vay vốn ngân hàng và hẹn ngày

10/11/2025 sẽ trả toàn bộ số tiền này. Cụ thể, ngày 11/9/2025, ông N cho bà V vay số tiền 25.200.000đồng. Cùng ngày 11/9/2025, ông N đã chuyển khoản cho bà V số tiền 20.000.000đồng từ tài khoản số 6501831043 tại Ngân hàng TMCP Đ qua số tài khoản số 6502004617 của bà V tại Ngân hàng TMCP Đ, số tiền còn lại là 5.200.000đồng thì ông N giao cho bà V bằng tiền mặt. Ngày 12/9/2025, ông N cho bà V vay số tiền 12.600.000đồng. Cùng ngày 12/9/2025, ông N đã chuyển khoản cho bà V số tiền 9.999.999đồng từ tài khoản số 6501831043 của ông N qua số tài khoản 6502004617 của bà V, số tiền còn lại 2.600.000đồng thì ông N giao cho bà V bằng tiền mặt. Khi cho vay tiền, ông N và bà V có lập Giấy mượn tiền ghi ngày 11/9/2025 và 12/9/2025, hai bên có thỏa thuận miệng tiền lãi là 2%/tháng, bà V không có thế chấp tài sản hay giấy tờ gì. Quá trình vay tiền, bà V không trả cho ông N khoản tiền lãi hay gốc nào. Đến ngày trả tiền ông N có nhắn tin và điện thoại rất nhiều lần nhưng bà V không trả lại số tiền này cho ông N. Do đó, ông N yêu cầu Tòa án giải quyết: buộc bà Bùi Cẩm V trả lại cho ông Võ Thanh N tổng số tiền gốc là 37.800.000đồng. Về tiền lãi: tiền lãi trên số tiền gốc 25.600.000 đồng từ ngày 11/9/2025 đến 10/11/2025 với mức lãi suất 1,66%/tháng là 839.664đồng, tiền lãi trên số tiền gốc 12.600.000đồng từ ngày 12/9/2025 đến 10/11/2025 với mức lãi suất 1,66%/tháng là 419.832 đồng. Tổng số tiền ông N yêu cầu bà V thanh toán là: 39.059.496 đồng.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Bùi Cẩm V nhưng bà V không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Võ Thanh N yêu cầu bà Bùi Cẩm V thanh toán tổng số tiền 39.059.496 đồng, bao gồm nợ gốc là 37.800.000 đồng, tiền lãi trong hạn từ ngày 11/9/2025 đến ngày 10/11/2025 với mức lãi suất 1,66%/tháng là 1.259.496 đồng và tiền lãi quá hạn với mức lãi suất bằng 150% lãi suất trong hạn từ ngày 11/11/2025 đến khi bà V trả hết nợ.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định tại chương XIV về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận một phần đối với phần nợ gốc là 37.800.000 đồng, không có căn cứ chấp nhận đối với yêu cầu tính lãi.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: ông Võ Thanh N khởi kiện yêu cầu bà Bùi Cẩm V thanh toán tiền vay và tiền lãi phát sinh nên đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn bà Bùi Cẩm V có nơi cư trú tại phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Bị đơn bà Bùi Cẩm V vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do đó, căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà V.

[3] Tại phiên tòa nguyên đơn ông N thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà V thanh toán tiền lãi trong hạn từ ngày 11/9/2025 đến ngày 10/11/2025 với mức lãi suất 1,66%/tháng với tổng số tiền là 1.259.496 đồng và tiền lãi quá hạn với mức lãi suất bằng 150% lãi suất trong hạn từ ngày 11/11/2025 đến khi bà V trả hết nợ. Xét thấy, theo đơn khởi kiện ngày 22/12/2025, ông N chỉ yêu cầu bà V thanh toán tiền nợ gốc là 37.800.000 đồng và tiền lãi trong hạn là 1.259.496 đồng, quá trình giải quyết vụ án, ông N không có yêu cầu khởi kiện bổ sung, xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông N tại phiên tòa là vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên căn cứ khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4.1] Về số nợ gốc: Ông Võ Thanh N căn cứ vào Giấy mượn tiền ngày 11/9/2025, Hợp đồng mượn tiền ngày 12/9/2025 để khởi kiện yêu cầu bà Bùi Cẩm V hoàn trả số tiền vay là 37.800.000đồng. Xét thấy, theo nội dung Hợp đồng mượn tiền thể hiện: bà V tự nguyện mượn ông N tổng số tiền 37.800.000đồng, thời hạn trả tiền vào ngày 10/11/2025, không thể hiện việc giao nhận tiền, không thỏa thuận lãi suất. Hợp đồng đã được hai bên ký tên, lấn tay xác nhận. Thực hiện hợp đồng, ông N đã chuyển khoản cho bà V số tiền 20.000.000đồng vào ngày 11/9/2025 và số tiền 9.999.999đồng vào ngày 12/9/2025 qua số tài khoản 6502004617 của bà Bùi Cẩm V tại Ngân hàng TMCP Đ. Ông N cho rằng số tiền còn lại là 5.200.000đồng cho vay ngày 11/9/2025 và số tiền 2.600.000đồng cho vay ngày 12/9/2025 đã giao tiền mặt cho phía bà V. Tuy nhiên, tại phiên tòa, ông N thừa nhận việc giao tiền vay được thực hiện sau khi hai bên đã ký hợp đồng, giấy vay tiền, ông N cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh đã giao số tiền vay 7.800.000đồng cho bà V. Phía bà V cũng không có ý kiến thừa nhận. Do đó, chỉ có cơ sở xác định số tiền ông N đã giao cho bà V vay là 29.999.999đồng. Do đó, đến thời hạn trả nợ, bà V không thực hiện việc trả nợ nên ông N khởi kiện yêu cầu bà V thanh toán tiền vay là có cơ sở chấp nhận một phần theo quy định tại Điều 466, 470 của Bộ luật Dân sự.

[4.2] Về số tiền lãi: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi trong hạn từ ngày 11/9/2025 đến ngày 10/11/2025 trên tổng số tiền 37.800.000đồng với mức lãi suất 1,66%/tháng là 1.259.496đồng. Xét thấy, nguyên đơn cho rằng hai bên có thỏa thuận miệng tiền lãi là 2%/tháng nhưng theo nội dung Giấy mượn tiền ngày 11/9/2025, Hợp đồng mượn tiền ngày 12/9/2025 không thể hiện việc vay tiền có lãi suất, ông N cũng không cung cấp được tài liệu thể hiện hai bên có thỏa thuận lãi suất, bà V cũng không có ý kiến thừa nhận. Do đó, không có cơ sở xác định các bên có thỏa thuận việc vay tiền có lãi suất. Tại khoản 4 Điều 466 của Bộ luật Dân sự quy định: “4. *Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.*”. Như vậy, sau khi hết hạn vay vào ngày 10/11/2025, bà V không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì phải có trách nhiệm trả tiền lãi tương ứng với thời gian chậm trả cho ông N. Tuy nhiên, ông N chỉ yêu cầu bà V trả tiền lãi từ ngày 11, 12/9/2025 đến ngày 10/11/2025 nên yêu cầu của ông N về việc buộc bà V thanh toán tiền lãi trong hạn là không có cơ sở.

[5] Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp một phần.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: nguyên đơn ông N phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện không được tòa án chấp nhận với số tiền 453.000đồng. Bị đơn bà Bùi Cẩm V phải chịu án phí với số tiền 1.500.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 92, 147, 227, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Thanh N đối với bị đơn bà Bùi Cẩm V về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Bùi Cẩm V có nghĩa vụ thanh toán cho ông Võ Thanh N số tiền 29.999.999đồng (Hai mươi chín triệu chín trăm chín mươi chín nghìn chín trăm chín mươi chín đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của

số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Thanh N về việc yêu cầu bà Bùi Cẩm V thanh toán tổng số tiền gốc và lãi là 9.059.497đồng (Chín triệu không trăm năm mươi chín nghìn bốn trăm chín mươi bảy đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Bùi Cẩm V phải chịu số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Ông Võ Thanh N phải chịu số tiền 453.000đồng (Bốn trăm năm mươi ba nghìn đồng), được trừ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004381 ngày 14/01/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Hoàn trả cho ông Võ Thanh N số tiền 523.500đồng (Năm trăm hai mươi ba nghìn năm trăm đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

**Nơi nhận:**

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Ngọc Trung**